TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2025/DSST
Ngày: 10 - 9 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 574/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 139/2025/QĐHPT-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1

Trụ sở: số H đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Ông Phạm Thế V

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 1139/2025/UQ-VPB ngày 08/8/2025 của Ngân hàng TMCP V1).

Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Căn cước số: 079093007042

Địa chỉ: 521/98/7 C, phường H (trước đây là Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thế V trình bày:

Ngày 05/10/2022, ông Trần Minh T và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (gọi tắt là Ngân hàng V2) ký hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 148-P-1524924 với hạn mức thẻ là 300.000.000 đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 17/10/2022, lãi suất là 33.48%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông Trần Minh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông T trả nợ nhưng ông T vẫn cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, ngày 13/5/2023, Ngân hàng V2 chuyển sang nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 10/9/2025, tổng cộng là 688.154.167 đồng; trong đó nợ gốc 298.403.321 đồng, nợ lãi 389.750.846 đồng.

Ông T tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V2 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng V2.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông T đến Toà án để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V2 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử. Quá trình sử dụng thẻ và vay vốn bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên

nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu để thu hồi nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn ông Trần Minh T trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Trần Minh T cư trú tại phường H (trước đây là Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[1.1] Xét văn bản ủy quyền số 1139/2025/UQ-VPB ngày 08/8/2025 của Ngân hàng TMCP V1 cho ông Phạm Thế V và ông Phùng Thanh K tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, ông Phạm Thế V là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa, ông T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ 148-P-1524924 ngày 05/10/2022 của Ngân hàng V2 với ông T được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc:

Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 10/9/2025 cho thấy ông T đã giao dịch bằng thẻ tín dụng từ ngày 17/10/2022 đến ngày 13/5/2023. Ngày 13/5/2023, Ngân hàng V2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 8 Phần Đ – Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Như vậy, tính đến ngày 10/9/2025, ông T không thanh toán số tiền nợ gốc là 298.403.321 đồng cho Ngân hàng V2 là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc cho Ngân hàng V2.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 148-P-1524924 ngày 05/10/2022 và Điều 6 Phần Đ – Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định áp dụng tính lãi trong hạn và quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà ông T đang sử dụng được áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 13/5/2023 đến ngày 10/9/2025 là 389.750.846 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi ông T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 148-P-1524924 ngày 05/10/2022 giữa Ngân hàng V2 và ông Trần Minh T.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Buộc ông Trần Minh T phải có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 688.154.167 (Sáu trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 298.403.321 (Hai trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm linh ba nghìn, chín trăm mười đồng), nợ lãi là 389.750.846 (Ba trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

[1.2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 11/9/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 148-P-1524924 ngày 05/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 với ông Trần Minh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 31.526.167 (Ba mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), ông Trần Minh T phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.011.546 (Chín triệu không trăm mười một nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007548 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4, TP. HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan

39820.q10.750.2024
2 000039 820103
15.09.2025 14:28
Ngân hàng TMCP Việt Nam